TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 tháng 06 năm 2022
V/v thay đổi quyền nuôi con;
chia tài sản chung sau khi ly hôn;
yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Luật, Ông Biện Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 332/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc "Thay đổi việc nuôi con; chia tài sản chung sau khi ly hôn"; thụ lý yêu cầu độc lập số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc "Yêu cầu bồi thường thiệt hại" và yêu cầu khởi kiện bổ sung số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc "chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 12, ấp 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/7/2019): Chị Đinh Thị Thúy H – sinh năm 1984. Địa chỉ: 870A Quốc lộ 20, khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 1, ấp 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Lê Văn Y, sinh năm 1961 và bà Mai Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 14, ấp 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2/ Công ty TNHH một thành viên L; Trụ sở: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh T – Giám đốc (sau đây gọi tắt là Công ty).

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị H và người đại diện Đinh Thị Thúy H trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Lê Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 329/2018/QĐST0HNGĐ ngày 23/11/2019 của TAND huyện Định Quán.

Cũng theo quyết định trên, anh T là người được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Lê Thị Thanh H – sinh ngày 24/7/2011 và Lê Hồng P – sinh ngày 09/9/2014; tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; chị H và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quá trình hình thành tài sản chung của vợ chồng chị H, anh T: Cha mẹ anh T là ông Lê Văn Y, bà Mai Thị T có hợp đồng thuê khoán 10.050m^2 đất lâm nghiệp tại lô 208 khoảnh 2 tiểu khu 88 Đội 3 của Công ty TNHH MTV L (thuộc tổ 1, ấp 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai). Đầu năm 2012, ông Y, bà T đã giao phần đất này lại vợ chồng chị H để canh tác. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H tạo lập được các tài sản sau: 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoản 150m^2, các vật dụng trong gia đình, khoan giếng nước, hệ thống nước nóng bằng năng lượng mặt trời, hệ thống máy xịt thuốc, trồng 100 cây Tiêu, 150 cây Sầu Riêng, 100 cây Điều.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn, anh T không cho chị thăm con, cũng không chia tài sản cho chị nên nay chị H khởi kiện yêu cầu:

- Thay đổi quyền nuôi con đối với con chung tên Lê Hồng P, sinh ngày 09/9/2014 để chị H được trực tiếp nuôi con và chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Trong quá trình tham gia tố tụng, chị Trần Thị H đã rút phần yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người nuôi con; Chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 114/TĐG-CT ngày 16/01/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì tài sản chung của vợ chồng

tổng giá trị là 437.390.275đ (đã trừ 44 cây giá tỵ trị giá 28.468.000đ vì đây là tài sản của Công ty). Chị H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thành hai phần bằng nhau; chị đồng ý giao cho anh Lê Văn T được tiếp tục sử dụng tài sản và yêu cầu anh Lê Văn T phải thanh toán cho chị ½ giá trị chênh lệch là 437.390.275đ/2 = 218.695.137đ (làm tròn: 218.695.000đ).

- Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh đồng ý với trình bày của chị H về quá trình kết hôn, ly hôn. Tuy nhiên, anh không đồng ý để chị H nuôi con chung tên Lê Hồng P, sinh ngày 09/9/2014 vì chị H vì chị H không có thu nhập ổn định.

Anh thống nhất các tài sản theo Chứng thư thẩm định giá số 114/TĐG-CT ngày 16/01/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai. Tuy nhiên, trong số các tài sản trong chứng thư thì có những tài sản sau là của cha mẹ anh là ông Lê Văn Y, bà Mai Thị T, không phải tài sản chung của vợ chồng: 142 cây sầu riêng, 01 giếng khoan, 40 cây điều, 50 trụ tiêu.

Anh chỉ thừa nhận tài sản chung với chị H có gồm: 01 căn nhà ở diện tích 151m^2, 01 nhà kho diện tích 26,35m^2, Hàng rào (trụ chôn và căn lưới B40), cổng khu sắt liên kế hàn, bao lưới B40, trên sắt chồng, Sân 27m^2, 01 bể nước bằng bê tông, 01 khung bồn nước bằng sắt và 01 bồn nước bằng inox, 01 máy năng lượng mặt trời hiệu Megasun, 01 máy bơm xịt thuốc, 01 hệ thống máy nổ, Một số cây đinh lăng (không xác định số lượng), 01 bộ bàn ăn (01 bàn và 08 ghế), 02 cái giường, 01 tủ lạnh.

Do năm 2018, chị H dùng cưa chém vào mũi của anh gây thương tích nên vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, phải ly hôn. Để mau chóng giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân với chị H, anh đã thỏa thuận phân chia tài sản chung cho chị H bằng số tiền 102.000.000đ, cụ thể: Anh đã đưa chị H số tiền 42.000.000đ và 01 chiếc xe Honda SH Mode trị giá 60.000.000đ; ngược lại anh phải nuôi 02 con nhỏ mà chị H không cấp dưỡng nuôi con nên chị H thống nhất giao toàn bộ mảnh vườn cùng các tài sản trên cho anh. Vì đã chia tài sản chung xong nên nay anh không đồng ý chia tài sản cho chị H.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Y, bà Mai Thị T trình bày:

Ông bà có hợp đồng thuê khoán 10.050m^2 đất lâm nghiệp tại lô 208 khoảnh 2 tiểu khu 88 Đội 3 của Công ty TNHH MTV L (thuộc tổ 1, ấp 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai). Ông bà đã đầu tư trên đất 120 cây Điều, 01 giếng nước khoan, 01 máy dầu D24, 150 trụ Tiêu và 900 cây Cà Phê.

Năm 2011, ông bà cho vợ chồng chị H, anh T mượn mảnh đất này để canh tác, thu hoạch các nông sản có sẵn trên đất. Năm 2013, ông bà cho phép vợ chồng anh T xây nhà, lắp bơm mới để tưới cây, làm rào lưới B40, máy xịt thuốc. Quá trình canh tác, vợ chồng anh T đã chặt phá 80 cây Điều và 100 trụ tiêu để thay thế bằng 150 cây Sầu Riêng (hiện chết bớt, chỉ còn 142 cây Sầu Riêng).

Sau khi vợ chồng anh T ly hôn thì ông bà là người trực tiếp quản lý

nhà, đất và chăm sóc các cây trồng trên đất.

Nay, nếu chị H đòi chia tài sản thì ông bà chỉ đồng ý thanh toán tổng các tài sản mới bằng số tiền 33.600.000đ. Ngược lại, ông bà yêu cầu anh T, chị H phải liên đới bồi thường cho ông bà 80 cây điều trị giá 37.600.000đ, 100 trụ tiêu trị giá 64.000.000đ, tổng cộng 97.600.000đ.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV L trình bày: Đối với tài sản tranh chấp giữa anh Lê Văn T và chị Trần Thị H nêu tại Thông báo số 332/2019/TB-TLVA ngày 05/7/2019 gồm: Nhà ở, bàn ghế, tủ lạnh, giường, bồn nước, hệ thống nước nóng bằng năng lượng mặt trời, máy nổ, bơm hỏa tiễn, máy xịt và các loại cây như riêu, điều, sầu riêng…đều không phải là tài sản của Công ty. Các bên không tranh chấp đất nên Công ty không bị ảnh hưởng gì. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Công ty theo quy định.

Tại phiên tòa, việc tranh tụng diễn ra như sau:

1/ Chị Đinh Thị Thúy H vắng mặt nhưng có bài phát biểu:

- Chị H không yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con chung đối với anh Lê Văn T.

- Về tài sản: Vào ngày 15/5/2019, chị Trần Thị H đã từng có hành vi hủy hoại tài sản chung của vợ chồng với tổng giá trị thiệt hại là 44.746.500đ. Tại biên bản giải quyết dân sự ngày 12/9/2019 của Công an huyện Định Quán, chị H đã đồng ý bồi thường cho anh T khi Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng. Nay, chị đồng ý bồi thường ½ giá trị thiệt hại cho anh T bằng 22.373.000đ; đồng ý đối trừ tiền bồi thường vào giá trị tài sản chung chị được chia nên anh T chỉ phải trả lại cho chị số tiền (218.695.000đ - 22.373.000đ) = 196.322.000đ.

2/ Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì.

Về đường lối xử lý vụ án: Chị H rút yêu cầu thay đổi nuôi con sau ly hôn nên đề nghị Tòa án không xét.

Tài sản chung của vợ chồng chị H, anh T có tổng giá trị 370.890.275đ. Số tài sản trên được hình thành từ thời kỳ hôn nhân nên có cơ sở để chấp nhận cho nguyên đơn được hưởng ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là 185.445.137đ. Đối với trình bày của anh T cho rằng đã chia tài sản chung xong bằng việc giao cho chị H 01 chiếc xe SH trị giá 60.000.000đ và 42.000.000đ tiền mặt. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận và anh T không đưa ra được các tài liệu chứng cứ của việc phân chia tài sản này nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Y và bà Mai Thị T có yêu cầu anh T, chị H phải bồi thường cho ông bà giá trị 80 cây điều, 100 trụ tiêu với tổng thiệt hại là 64.000.000đ nhưng không có căn cứ nên không chấp nhận.

Chị H, anh T, ông Y, bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nơi cư trú của bị đơn anh Lê Văn T và tài sản tranh chấp đều là tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và chia tài sản chung sau ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "tranh chấp về quyền nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt các đương sự: Đại diện của nguyên đơn và đại diện Công ty (BL 186) đều có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T, bà T, ông Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thủ tục thu thập chứng cứ:

- Về thẩm định giá tài sản: Theo Chứng thư thẩm định giá số 114/TĐG-CT ngày 16/01/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì tài sản tranh chấp trong vụ án gồm: 01 căn nhà cấp 4 trị giá 224.235.000đ; 01 nhà kho trị giá 23.978.500đ; Tường rào và cổng trị giá 29.166.995đ; Bể nước trị giá 698.280đ; Sân: 1.620.000đ; 01 Giếng khoan: 7.200.000đ; 01 bộ bàn ghế trị giá 9.600.000đ; 02 giường ngủ (loại giường Thái) trị giá 6.300.000đ; 01 tủ lạnh trị giá 1.000.000đ; 01 bồn nước kèm khung sắt trị giá 1.400.000đ; 01 máy năng lượng mặt trời trị giá 3.500.000đ; 01 máy bơm xịt thuốc trị giá 1.500.000đ; 01 hệ thống máy nổ trị giá 10.500.000đ; 44 cây giá tỵ trị giá 28.468.000đ (cây của Công ty – không tranh chấp); 20 cây đinh lăng lớn trị giá 600.000đ; 36 cây đinh lăng nhỏ trị giá 900.000đ; 50 cây tiêu trị giá 30.000.000đ; 40 cây điều trị giá 18.800.000đ; 121 cây sầu riêng ri 6 lớn trị giá 63.525.000đ; 21 cây sầu riêng ri 6 nhỏ trị giá 2.866.500đ.

Các đương sự không ai khiếu nại về kết quả Thẩm định giá của Chứng thư Thẩm định giá số 114/TĐG-CT ngày 16/01/2020 của Công ty CP Thẩm định giá Đồng Nai (BL 82 - 88). Tại văn bản số 238/2022/CV-DONAVA ngày 21/4/2022 của Công ty CP Thẩm định giá Đồng Nai đã xác định giá trị tài sản đã thẩm định không biến động về giá (BL 214) nên giá theo Chứng thư sẽ là căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

- Thủ tục đo đạc đất: Theo "Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất" số 6764/2019 ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện Định Quán thì đất (có các tài sản tranh chấp tọa lạc) có diện tích đất thực tế là 8.668m^2 thuộc thửa 113A tờ bản đồ số 03 xã T, huyện Đ (BL 80). Các đương sự không ai khiếu nại về kết quả đo đạc đất nên thông tin của bản "Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất" sẽ là căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

[1.5] Về luật áp dụng để giải quyết vụ án:

- Pháp luật về tố tụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 165, 166, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Pháp luật về nội dung: Do tài sản của vợ chồng chị H, anh T đầu tư từ năm 2012 nên pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân gia đình năm 2000 có xem xét đến Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Bộ luật dân sự năm 2005, có xem xét đến Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về giải quyết yêu cầu của các đương sự.

[2.1] Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H: Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2019, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hồng P - sinh ngày 09/9/2014. Ngày 26/12/2021, chị H rút lại yêu cầu này (BL 188). Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn đã tự nguyện, phù hợp đạo đức xã hội nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này của chị H theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về xác định tài sản riêng

- Theo "Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất" số 6764/2019 ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện Định Quán (BL 80) tài trên thì các tài sản tranh chấp đều được đầu tư trên diện tích 8.668m^2 đất lâm nghiệp tại lô 208 khoảnh 2 tiểu khu 88 Đội 3 của Công ty TNHH MTV L thuộc tổ 1, ấp 7, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Do các bên đều thừa nhận đất của Công ty đang do ông Y, bà T nhận khoán và không ai tranh chấp về đất nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Qua xác minh đối với ông Phạm Văn T, ông Lê Văn C là hàng xóm sinh sống gần diện tích đất rẫy của ông Lê Văn Y, bà Mai Thị T và thường xuyên đi ngang đất thì được biết như sau: Tại thời điểm ông Y, bà T bàn giao đất cho vợ chồng anh T, chị H thì trên đất có khoảng 120 cây điều trồng được 10 năm, khoảng 150 nọc tiêu trồng được 7 năm (hiện còn lại 40 cây điều, 50 cây tiêu), ngoài ra còn có 01 giếng khoan, máy nổ, bơm hỏa tiễn và ống nước (Bút lục số 215 – 216).

Do đó, Hội đồng xét xử xác định các cây trái, vật dụng sau là tài sản của riêng ông Y, bà T và không thể chia theo yêu cầu của chị H: 40 cây điều trị giá 18.800.000đ, 50 cây tiêu giá 30.000.000đ), 01 giếng khoan giá 7.200.000đ, hệ thống máy nổ 10.500.000đ; tổng cộng 56.000.000đ.

[2.3] Như đã phân tích trên, Tòa án đã xác định các tài sản sau được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng chị Trần Thị H và anh Lê Văn T gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 150m^2, 01 bộ bàn ăn, 02 giường ngủ, 01 tủ lạnh, 01 bồn nước và hệ thống năng lượng mặt trời, 01 máy xịt thuốc, nhà kho, tường rào và cổng, bể nước, sân, 20 cây đinh lăng lớn, 36 cây đinh lăng nhỏ, 142 cây sầu riêng. Căn cứ theo chứng thư thẩm định giá tài sản số 114/TĐG-CT ngày 16/01/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì tổng giá trị các tài sản chung có giá 370.890.275đ.

Do đó, Tòa án chấp nhận cho nguyên đơn chị Trần Thị H được hưởng ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là 185.445.137đ (làm tròn 185.445.000đ).

- Vào ngày 15/5/2019, chị Trần Thị H đã từng có hành vi hủy hoại tài sản chung của vợ chồng với tổng giá trị thiệt hại là 44.746.500đ. Tại biên bản giải quyết dân sự ngày 12/9/2019 của Công an huyện Đ, chị H đã đồng ý bồi thường cho anh T khi Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng. Nay, tuy anh T không làm thủ tục phản tố kiện đòi số tiền bồi thường thiệt hại nhưng chị H đồng ý bồi thường ½ giá trị thiệt hại cho anh T và đối trừ trực tiếp vào phần tài sản chị được chia. Xét việc tự nguyện này của chị H là không trái pháp luật, đạo đức xã hội và cũng nhằm giải quyết dứt điểm tài sản chung của vợ chồng chị H, anh T nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[2.4] Xét trình bày của anh Lê Văn T.

Anh T cho rằng đã phân chia tài sản chung của vợ chồng với chị H số tiền 102.200.000đ vì năm 2018, anh đã đưa cho chị H số tiền 42.000.000đ và 01 chiếc xe Honda SH mode trị giá 60.000.000đ. Tuy nhiên chị H không thừa nhận việc này và anh T không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh nên Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[2.5] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Y và bà Mai Thị T: Ông Y bà T có yêu cầu anh T chị H phải bồi thường cho ông bà giá trị 80 cây điều, 100 trụ tiêu đã chặt là 64.000.000 đồng.

Qua lời khai của ông Y, bà T, kết hợp với kết quả xác minh những người lân cận thì Tòa án đã có đủ cơ sở xác định: Trước khi cho anh T, chị H mượn rẫy thì trên diện tích 8.668m^2 đất lâm nghiệp tại lô 208 khoảnh 2 tiểu khu 88 Đội 3 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà đã có một số cây trồng do ông Y, bà T đầu tư. Như đã nhận định ở phần [2.2] về tài sản riêng, Tòa án đã chấp nhận 40 cây điều trị giá 18.800.000đ, 50 cây tiêu giá 30.000.000đ), 01 giếng khoan giá 7.200.000đ, hệ thống máy nổ 10.500.000đ

là tài sản riêng của ông Y, bà T nên không chia cho chị H, anh T khi ly hôn.

Ông Y, bà T cho rằng ông bà có thỏa thuận sau này anh T, chị H trả lại đất cho ông bà thì 142 cây sầu riêng là bù vào số cây tiêu và điều đã bị chặt, tuy nhiên chị H không thừa nhận việc này.

Xét thấy, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2017, vợ chồng anh T, chị H đã cất nhà ở, thay thế cây trồng, thay thế thiết bị khác để phục vụ nhu cầu canh tác cũng như nhu cầu sinh hoạt; ông Y, bà T biết rõ việc này (Bút lục 194). Tuy nhiên, ông Y, bà T đã không báo chính quyền địa phương, cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên mặc nhiên ông Y, bà T đã đồng ý cho anh T, chị H đầu tư, thay mới cây trồng, thiết bị nên những tài sản phát sinh là tài sản chung của anh T, chị H. Vì vậy, Tòa án không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Y, bà T.

[2.6] Về quyền, nghĩa vụ giao nhận tài sản.

Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2021 thì sau khi vợ chồng chị H, anh T ly hôn nhau thì toàn bộ tài sản của anh T, chị H đã do ông Y, bà T lấy lại, quản lý, canh tác, hưởng lợi. Chị H, anh T đều không yêu cầu nhận quản lý tài sản nên Tòa án chấp nhận cho ông Y, bà T tiếp tục canh tác, sở hữu các cây trồng, nhà và vật kiến trúc khác trên diện tích 8.668m^2 đất lâm nghiệp tại lô 208 khoảnh 2 tiểu khu 88 Đội 3 của Công ty TNHH MTV L.

Do ông Y, bà T được hưởng lợi những tài sản của anh T, chị H đã đầu tư trên đất nên căn cứ Điều 599, 602 Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án buộc ông Y, bà T phải thanh toán lại cho anh T, chị H mỗi người 185.445.137đ (làm tròn 185.445.000đ).

Đối với chị H đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh T số tiền 22.373.000đ nên được Tòa án ghi nhận.

[3] Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.900.000đ + Chi phí đo đạc đất là 1.326.375đ + Chi phí thẩm định giá là 11.124.400đ = 14.350.775đ nguyên đơn đã nộp và chi phí hết (BL 95).

Do đó, anh T có nghĩa vụ trả lại ½ số tiền trên (bằng 7.175.387đ) cho chị H.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Chị H, anh T mỗi người phải chịu án phí chia tài sản: 185.445.000đ x 5% = 9.272.250đ.

Chị H còn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ bồi thường: 22.373.000đ x 5% = 1.118.650đ.

Chị H đã nộp tạm ứng 5.638.000đ (BL 14, 15) nên được đối trừ.

- Ông Y, bà T phải chịu án phí dân sự có gía ngạch vì yêu cầu không được chấp nhận là 370.890.275đ x 5% = 18.544.513đ, nhưng do ông Y là người cao tuổi nên được miễn án phí, còn bà T vẫn phải chịu 9.272.250đ.

Ông Y, bà T đã nộp 1.600.000đ nên bà T còn phải nộp 7.672.250đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, 59, 61, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 599, 602 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn với anh Lê Văn T.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H về việc chia tài sản chung sau ly hôn với bị đơn là anh Lê Văn T.

Buộc ông Lê Văn Y, bà Mai Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh T, chị H mỗi người 185.445.000đ.

Ghi nhận chị Trần Thị H tự nguyện bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền 22.373.000đ.

3/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Y, bà Mai Thị T về việc yêu cầu chị Trần Thị H, anh Lê Văn T phải bồi thường số tiền 64.000.000đ.

4/ Buộc anh T có nghĩa vụ trả chi phí tố tụng số tiền 7.175.387đ cho chị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5/ Về án phí:

- Chị H phải chịu án phí chia tài sản 10.390.900đ. Chị H đã nộp tạm ứng 5.638.000đ (Biên lai thu số 0002390 và 0002392 ngày 05/7/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện Định Quán) nên còn phải nộp 4.752.900đ.

- Anh T phải chịu án phí chia tài sản 9.272.250đ.

- Ông Y, bà T phải chịu án phí dân sự có gía ngạch 9.272.250đ. Ông Y, bà T đã nộp 1.600.000đ nên bà T còn phải nộp 7.672.250đ.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hòa